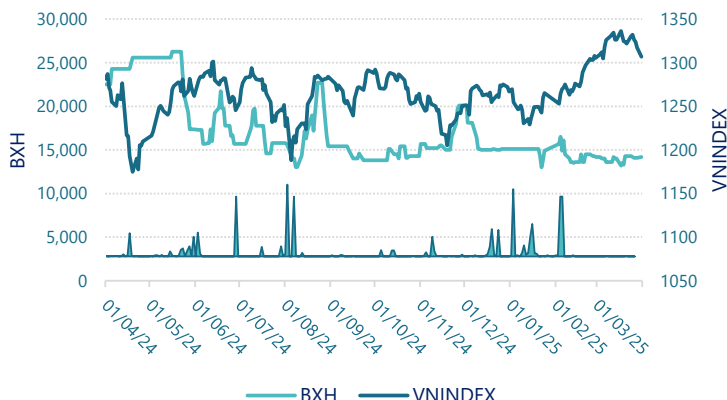




CTCP VICEM Bao bì Hải Phòng (HNX: BXH)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	14,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	26,259
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,000
SL cổ phiếu LH	3,012,040
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,245
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	43
P/E	61.7
EPS	230

DT thuần

Q1/25

42.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼12.6| -23.0%

YoY: ▲16.2| 62.5%

LN sau thuế

Q1/25

0.20

tỷ VNĐ

QoQ: ▲0.03| 17.3%

YoY: ▲0.15| 299%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

0.7%

+/- YoY: ▼0.2%

DT thuần

2024

170

tỷ VNĐ

YoY: ▼47.0| -21.7%

LN sau thuế

2024

0.57

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.63| -52.6%

ROE

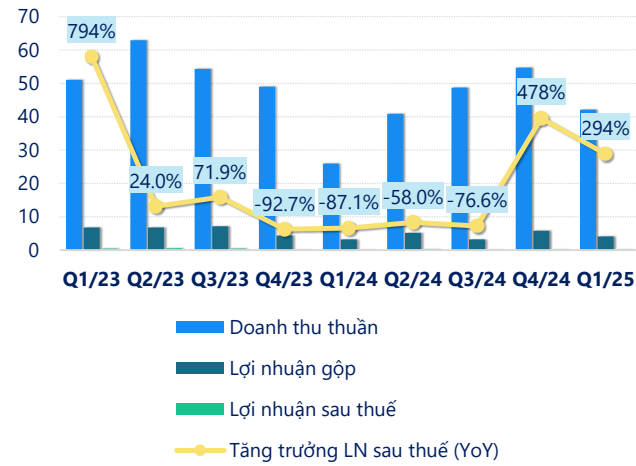
2024

1.0%

+/- YoY: ▼1.1%

tỷ VNĐ

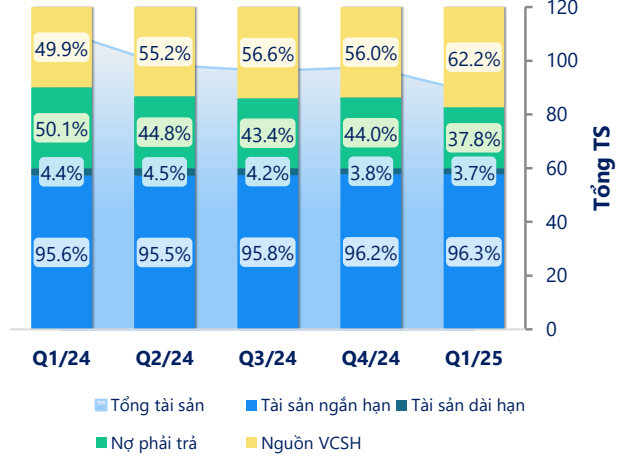
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

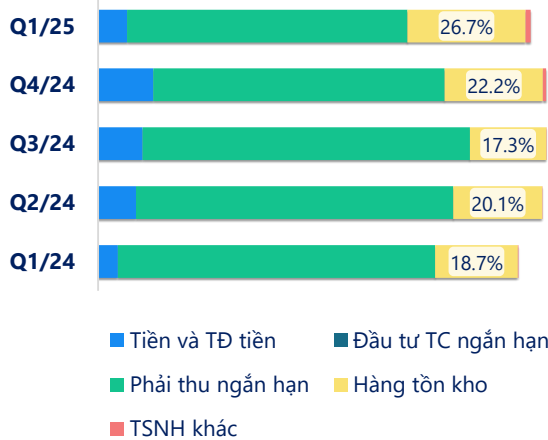
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



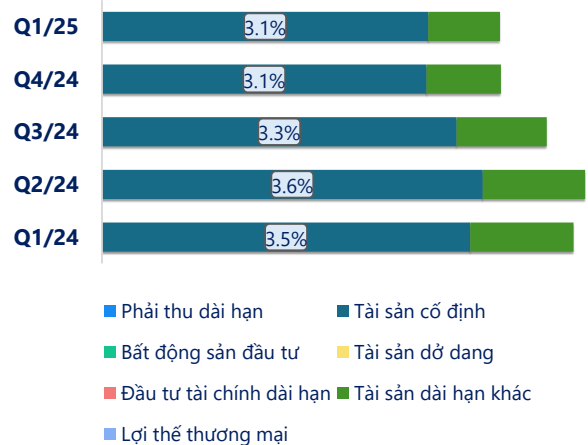
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

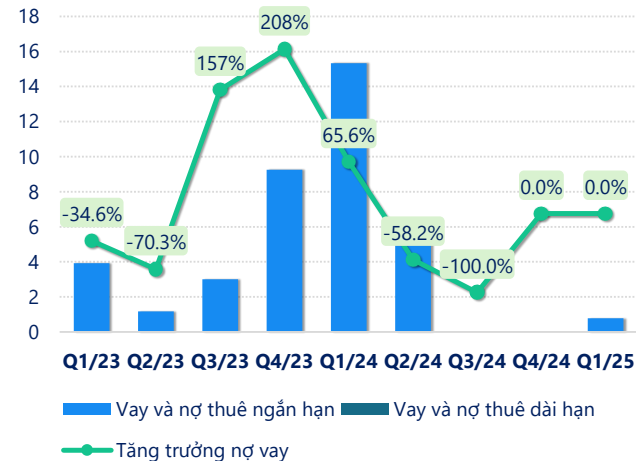
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

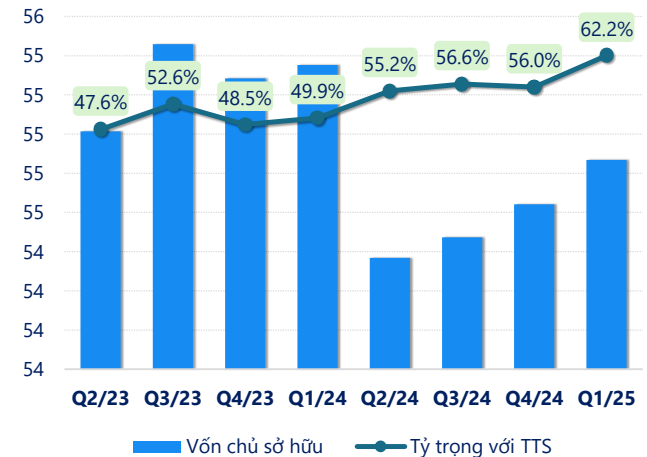
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

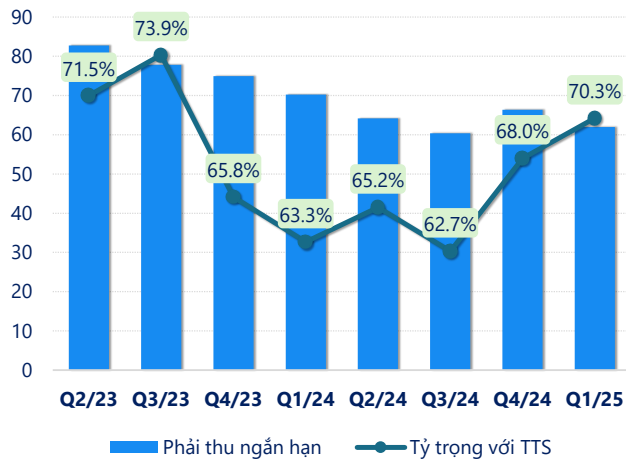
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



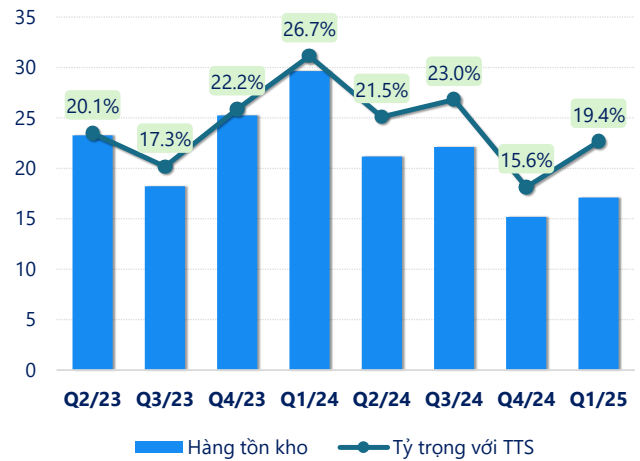
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


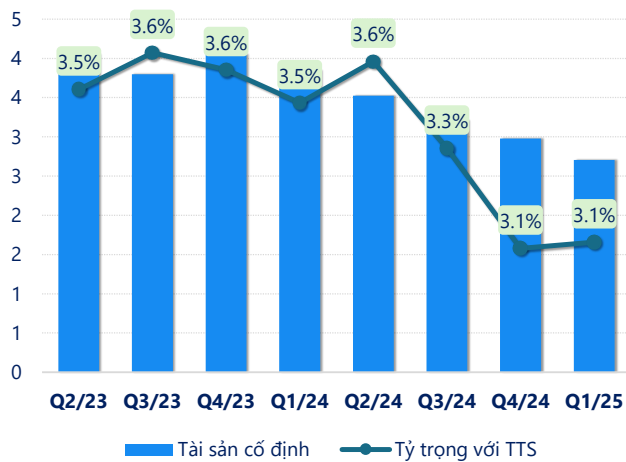
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


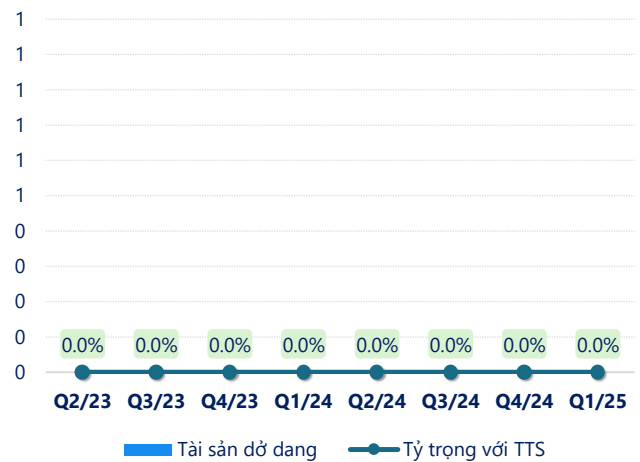
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

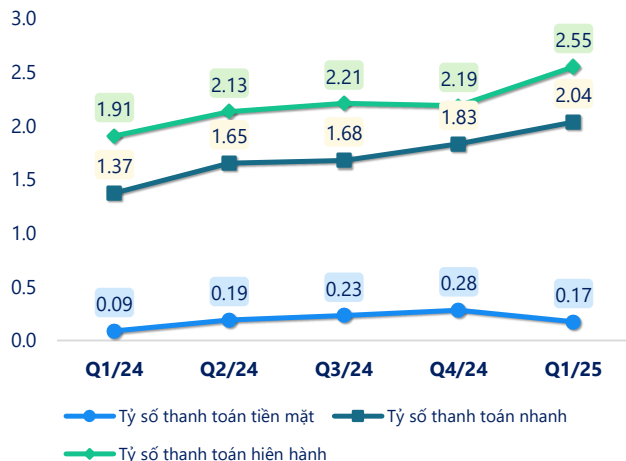
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

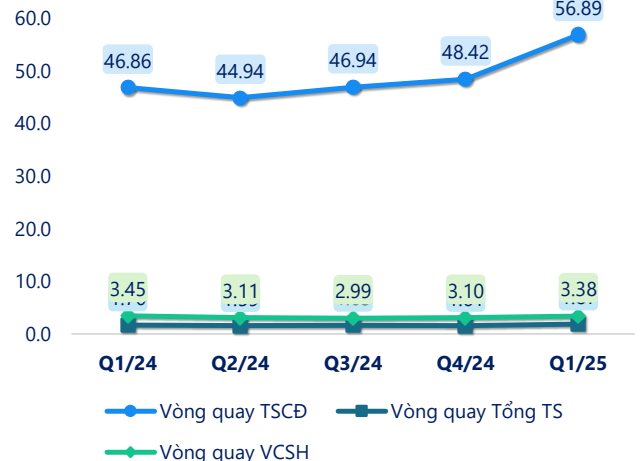
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	111	98.4	96.2	97.6	88.2
Tài sản ngắn hạn	106	93.9	92.2	94.0	84.9
Tiền và tương đương tiền	4.98	8.45	9.67	12.1	5.77
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	70.2	64.2	60.4	66.4	61.9
Hàng tồn kho	29.6	21.2	22.1	15.2	17.1
Tài sản ngắn hạn khác	1.26	0.12	0.06	0.26	0.02
Tài sản dài hạn	4.92	4.47	4.02	3.66	3.30
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	3.84	3.52	3.21	2.98	2.70
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	1.08	0.95	0.82	0.68	0.60
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	55.7	44.0	41.8	43.0	33.3
Nợ ngắn hạn	55.7	44.0	41.8	43.0	33.3
Vay và nợ thuê ngắn hạn	15.3	6.41	0	0	0.78
Phải trả người bán ngắn hạn	36.8	32.5	36.5	37.1	0
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	55.4	54.4	54.5	54.6	54.9
Vốn chủ sở hữu	55.4	54.4	54.5	54.6	54.9
Vốn điều lệ	30.1	30.1	30.1	30.1	30.1
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)